

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 09 - 6 - 2022

V/v tranh chấp “hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà 25/5 ấp TM, xã MA, huyện TP, tỉnh BT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Minh V: Chị Đặng Huỳnh N, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp AN, xã AT, huyện TP, tỉnh BT theo văn bản ủy quyền đề ngày 22/3/2022. (xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số nhà 391/4 ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. (vắng mặt không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Nơi cư trú: số nhà 391/ ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đặng Huỳnh N trình bày:

Từ khoảng 2016 ông S có đến cửa hàng tôi mua thức ăn cho tôm để về phát triển kinh tế gia đình. Khi mua bán 02 bên thỏa thuận tôi giao thức ăn trước cuối vụ ông S thu hoạch tôm thì có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho ông V, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó ông V đã giao thức ăn đầy đủ cho ông S nhưng ông S đã thu hoạch tôm không trả tiền thức ăn đầy đủ cho ông V. Đến ngày 23/10/2019 tôi và ông S có lập biên nhận nợ ông S nợ tôi số tiền 74.368.000 đồng, và hứa đến cuối năm 2019 sẽ trả dứt nợ cho ông V. Từ ngày lập biên nhận nợ cho đến hôm nay ông S không trả tiền nợ, mặc dù ông V đã nhiều lần yêu cầu ông S và vợ ông S là bà Nguyễn Thị Mỹ D trả tiền nợ.

Nay ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền gốc 74.368.000 đồng và tiền lãi 11.727.000 đồng. Đồng thời ông V yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83%/tháng đối với tiền gốc 74.368.000 đồng.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có mua thức ăn nuôi tôm của ông V để phát triển kinh tế gia đình. Hình thức mua bán như ông V trình bày là đúng. Tuy nhiên do nuôi tôm thất bại nên ngày 23/10/2019 tôi và ông V có chốt lại tôi còn nợ số tiền 74.368.000 đồng do gia đình gặp khó khăn nên chưa trả được.

Nay ông V yêu cầu Tòa án giải quyết thì tôi đồng ý trả cho anh V số tiền 74.368.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Do nuôi tôm thất bại nên không thể trả một lần số tiền trên cho ông V được. Tôi xin thời trong vòng 01 năm 2022 tôi sẽ trả hết cho anh V số tiền trên. Do tôi đại diện gia đình mua thức ăn của ông V nên tôi sẽ đại diện trả cho ông V số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ D trong quá trình tố tụng không có lời trình bày.

Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 385, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc anh S và chị D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 74.368.000 đồng và tiền lãi theo định của pháp luật cho ông Vui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ D trả tiền mua thuốc thủy sản, thức ăn để nuôi tôm còn nợ nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ D có nơi cư trú tại ấp GH, xã AD, huyện TP, tỉnh BT nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đặng Huỳnh N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh S và chị D vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S và chị D theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa nguyên đơn ông Phạm Minh V và bị đơn anh Nguyễn Văn S được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ Luật Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Minh V và bị đơn anh Nguyễn Văn S cùng thống nhất trình bày hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thuốc thủy sản, thức ăn để nuôi tôm trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019. Ông V và anh S đã thống nhất số tiền mà hiện nay anh S còn nợ ông V là 74.368.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho số tiền 74.368.000 đồng mà bị đơn còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc anh S thừa nhận còn nợ ông V số tiền 74.368.000 đồng đến nay chưa thanh toán trong khi việc mua bán kết thúc từ ngày 23/10/2019, là đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền nên việc ông V yêu cầu trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 440, 357, và 468 Bộ luật Dân sự. Biên nhận ngày 23/10/2019 có nội dung “*Hẹn cuối năm 2019 trả vớt nợ*” do ông V cung cấp, anh S đồng ý nội dung trên và đồng ý trả lãi cho ông V. Lãi xuất được tính như sau:

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 09/6/2022 là 29 tháng 21 ngày. Nên lãi suất là: Số tiền 74.368.000 đồng x 0,83% x 29 tháng 21 ngày = 18.322.455 đồng.

[6] Việc anh S yêu cầu được trả số tiền nợ trong thời hạn năm 2022 do đang gặp khó khăn về kinh tế. Xét thấy anh S vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông V và yêu cầu này của anh S không được đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này như trình bày của anh S.

[7] Đối với yêu cầu của ông Phạm Minh V buộc trách nhiệm liên đới giữa anh Nguyễn Văn S với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Xét thấy mặc dù anh S cho rằng anh đại diện gia đình mua thức ăn của ông V nên anh sẽ đại diện gia đình trả cho ông V số tiền trên. Tuy nhiên, khi anh S thực hiện việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông V mục đích để phát triển kinh tế gia đình thì anh S và chị D là vợ chồng được pháp luật công nhận, hiện đang sống chung nhà. Nên buộc trách nhiệm liên đới của chị D cùng anh S trả số tiền nợ cho ông V là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh S, chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V. Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phạm

Minh V số tiền 92.690.455 đồng (trong đó: Tiền gốc 74.368.000 đồng và tiền lãi 18.322.455 đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm liên đới chịu 4.634.522 đồng.

Ông Phạm Minh V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.152.375 đồng theo biên lai thu số 0002847 ngày 18/10/2021.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Võ Thị Hồng Thúy

